

Số: 17 /2015/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 05 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các Phòng N/c;
- Lưu: VT, KTTH. 85b₁

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH . . .**



Đông Văn Lâm

QUY ĐỊNH

Quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17 /2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá; thẩm định giá; niêm yết giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ theo quy định này để thực hiện bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Nội dung quản lý Nhà nước về giá

1. Nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật Nhà nước về giá phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định Chính phủ, quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

3. Quyết định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo Luật Giá và theo phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về giá của Chính phủ.

4. Điều chỉnh giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân theo Luật Giá và theo phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về giá của Chính phủ.

5. Tổ chức hiệp thương giá theo đề nghị của bên mua, bên bán khi các bên này không thỏa thuận được giá mua, giá bán để ký kết hợp đồng đối với những hàng hóa, dịch vụ quan trọng có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

6. Hướng dẫn thực hiện đăng ký và kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

7. Tổ chức công tác thẩm định giá tài sản.

8. Kiểm tra yếu tố hình thành giá.

9. Kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh về việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác có liên quan đến quản lý nhà nước về giá tại địa phương; xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

10. Tổ chức theo dõi thông tin và báo cáo diễn biến giá cả thị trường.

11. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Điều 15 Luật Giá, cụ thể như sau:

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;
2. Điện bán lẻ;
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
4. Phân đạm Urê; phân NPK;
5. Thuốc bảo vệ thực vật. Bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
6. Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
7. Muối ăn;
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
9. Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
10. Thóc, gạo tẻ thường;

11. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trường hợp thực hiện bình ổn giá

Trường hợp thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (sau đây viết tắt là Nghị định số 177/2013/NĐ-CP).

Điều 5. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá theo quy định của Luật Giá, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 6. Phân công trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

d) Báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan khác có liên quan:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành; các biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công.

b) Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

c) Chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chấp hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá.

c) Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo: Các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.

Điều 7. Đăng ký giá

Trong thời gian Nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá tại Điều 3 Quy định này thì các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính như sau:

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh đối với toàn bộ hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo các tổ chức thực hiện đăng ký giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Quy định này.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo quy định.

2. Sở Công Thương:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 8 Điều 3 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 8 Điều 3 Quy định này.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo phân công tại điểm a khoản này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách và tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại khoản 5, 6, 7, 9 và khoản 10 Điều 3 Quy định này.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo phân công tại điểm a khoản này.

4. Sở Y tế:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, đồng thời thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại khoản 11 Điều 3 Quy định này.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo phân công tại điểm a khoản này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Trong thời gian Nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thì Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Quy định này.

b) Thông báo danh sách cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Quy định này.

c) Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức theo dõi và báo cáo tình hình giá cả thị trường tại địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính theo quy định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp và cung cấp danh sách các tổ chức đăng ký sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá quy định tại Điều 3 Quy định này về Sở Tài chính để tổng hợp, thông báo theo quy định.

7. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Trà Vinh:

Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng chuyên trang, chuyên mục để thông báo các biện pháp, chính sách của nhà nước đối với công tác quản lý giá theo quy định.

8. Đối tượng thực hiện đăng ký giá bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

Mục 2 ĐỊNH GIÁ

Điều 8. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;
2. Giá bồi thường hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất;
3. Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và tài sản khác khi Nhà nước thu hồi đất;
4. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô;
5. Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản;
6. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 9. Phân công trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính:

- a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh;

- Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất); đơn giá thuê mặt nước; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê theo hình thức thuê đất trả tiền một lần hoặc trả tiền hàng năm; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất; giá trị quyền sử dụng đất thuê để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa mà doanh nghiệp cổ phần hóa lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Sở Tài chính thẩm định phương án giá của các Sở, ngành, cơ quan và các đơn vị có liên quan lập để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này; riêng đối với việc thẩm định giá đất thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá sau khi được Sở Tài chính thẩm định; cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

- Giá cây trồng để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Sở Xây dựng xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

- Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và tài sản khác khi Nhà nước thu hồi đất;

- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; giá đất tái định cư;

- Giá đất cụ thể đối với thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;

- Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản; giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các loại giá khác theo quy định;

- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

d) Sở Y tế xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh;

- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

e) Sở Giao thông Vận tải xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với giá dịch vụ xe ra, vào bến;

- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật: thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

h) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa: Các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp hàng hóa, dịch vụ xây dựng phương án giá gửi Sở quản lý ngành xem xét, sau đó Sở quản lý ngành gửi Sở Tài chính có ý kiến thẩm định bằng văn bản.

i) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ngành chuyên môn thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 10. Điều chỉnh giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống phải kịp thời điều chỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 8 Quy định này. Trường hợp không điều chỉnh giá thì áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoạt động được bình thường và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng. Trường hợp điều chỉnh giá đất thực hiện theo quy định của Luật đất đai.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công trách nhiệm quy định tại Điều 9 Quy định này để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá.

Mục 3 HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 11. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Giá; cụ thể như sau:

- a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;
- b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trong trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau và hai bên cùng thống nhất đề nghị thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương khi bên bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 12. Thành phần tham gia hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính.

Mục 4 THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 13. Trường hợp Nhà nước thực hiện thẩm định giá

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản theo yêu cầu hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao, mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước, cụ thể như sau:

1. Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

2. Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá đối với tài sản nhà nước trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước đã đăng công khai thông tin sau 15 (mười lăm) ngày mời cung cấp dịch vụ thẩm định giá nhưng không có doanh nghiệp thẩm định giá tham gia, trừ trường hợp đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

3. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về danh mục bí mật nhà nước;

4. Mua tài sản nhà nước có giá trị lớn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, từng trường hợp cụ thể và xét thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 14. Phân công trách nhiệm thẩm định giá

1. Lãnh đạo Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các loại tài sản quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 13 Quy định này thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các loại tài sản quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 13 Quy định này thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

3. Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là Chủ tịch Hội đồng.

4. Các thành viên khác của Hội đồng thực hiện theo quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

Mục 5

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 15. Trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 26 Luật Giá.

Điều 16. Phân công trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quy định này; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 8 Quy định này và hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 6 THANH TRA GIÁ

Điều 17. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh Trà Vinh.
2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.
3. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

Mục 7 KÊ KHAI GIÁ

Điều 18. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;
2. Xi măng, thép xây dựng;
3. Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
4. Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;
5. Sách giáo khoa;
6. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;
7. Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;
8. Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

9. Giá phòng của các cơ sở cư trú du lịch;

10. Giá vé vào cổng tham quan tại các điểm tham quan, du lịch;

11. Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá ngoài danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này.

Điều 19. Phân công trách nhiệm thực hiện kê khai giá

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 18 Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh kê khai giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 18 Quy định này.

c) Tổ chức, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 18 Quy định này.

2. Sở Công Thương:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ sau:

- Hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 8 Điều 3 Quy định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hàng hóa quy định tại khoản 4 Điều 18 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với:

- Hàng hóa, dịch vụ theo phân công tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 3 Quy định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hàng hóa quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

4. Sở Y tế:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với:

- Hàng hóa, dịch vụ theo phân công tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 11 Điều 3 Quy định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 6 Điều 18 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại điểm a khoản 4 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

5. Sở Giao thông Vận tải:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 7 Điều 18 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại điểm a khoản 5 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

6. Sở Xây dựng:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại điểm a khoản 6 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 5, 9 và 10 Điều 18 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại điểm a khoản 7 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp và cung cấp danh sách các tổ chức đăng ký sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá về Sở Tài chính để tổng hợp, thông báo theo quy định.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3, hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 18 Quy định này.

b) Thông báo danh sách các cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá trên địa bàn theo phân công tại điểm a khoản 9 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

10. Đối tượng thực hiện kê khai giá bao gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, Sở chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

Mục 8 NIÊM YẾT GIÁ

Điều 20. Nguyên tắc, địa điểm, cách thức thực hiện niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thực hiện niêm yết giá theo nguyên tắc:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết.

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá thực hiện theo Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 9 CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 21. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Chương III
QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT,
KINH DOANH VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIÁ

Điều 22. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Giá.

2. Các tổ chức sản xuất, kinh doanh lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ có liên quan thuộc danh mục Nhà nước định giá nêu tại Điều 8 Quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan chủ quản và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá có trách nhiệm đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá theo quy định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ; các Thông tư số 56/2014/TT-BTC, Thông tư số 38/2014/TT-BTC và Thông tư số 31/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng các thủ tục hành chính và hướng dẫn quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá đối với những hàng hóa thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại Quy định này để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá tại địa phương.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đông Văn Lâm